

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2020/HS-ST
Ngày 28-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

Bà Phạm Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu T - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vương Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 126/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 329/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Đỗ Thị D, sinh ngày 04 tháng 02 năm 1996, tại Hải Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8/38/195 Đình Văn T, khu 11, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nơi tạm trú: Số 28/37/346 T, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn S và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Lê Tùng A; có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 15/7/2020; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 24/27 T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

2. Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1954; nơi cư trú: Số 69/55/46 L, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 6C/94 L, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

4. Anh Ngô Anh T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

5. Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 277 L, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

6. Anh Phạm Duy T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 3/166 N, quận L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

7. Bà Đỗ Kim O, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 9/724 N, quận L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

8. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số 4/11/229 H, quận L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

9. Chị Bùi Thị Lan C, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 4/6/145 C, quận N, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

10. Bà Lê Thị R, sinh năm 1952; nơi cư trú: Số 166 Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

11. Chị Đỗ Thị Thu D, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 5/40/649 T, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

12. Anh Lưu Thanh T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 3/75 M, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

13. Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 3/1/9/278 Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

14. Bà Nguyễn Thị Thanh TH, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số 246 Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ tháng 3/2019, Đỗ Thị D thuê nhà số 62/215 M, phường D, quận L, Hải Phòng làm cửa hàng kinh doanh tài chính, cho nhiều người vay tiền lấy lãi nhưng không làm thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định. D cho khách vay tiền với hai hình thức là họ góp (bắt họ) và vay lãi ngày (lãi nằm). Khi khách đến vay tiền của D, D không yêu cầu thế chấp tài sản nhưng phải cung cấp cho D các giấy tờ cá nhân như sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân... để D kiểm tra. Người vay phải tự viết hợp đồng vay tiền theo mẫu do D

cung cấp để D lưu giữ. D yêu cầu người vay không viết lãi suất cho vay nhưng số tiền vay ghi trong hợp đồng bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi của bất kỳ vay (đối với hình thức vay họ góp) còn khách vay tiền dưới hình thức vay lãi ngày thì chỉ ghi số tiền vay. Nếu khách vay tiền nhiều lần thì thường chỉ phải viết hợp đồng một vài lần đầu, những lần sau không phải viết hợp đồng mà D chỉ ghi vào sổ. D quản lý danh sách khách vay tiền và việc đóng tiền hàng ngày bằng cách ghi chép vào sổ theo dõi của D.

Đối với hình thức cho vay họ góp, D có các gói vay 3.000.000 đồng trong 36 ngày, gói vay 5.000.000 đồng, 10.000.000 đồng và 15.000.000 đồng trong 40 ngày hoặc 60 ngày. Sau khi nhận đủ số tiền vay, hàng ngày người vay phải trả góp gồm cả tiền gốc và tiền lãi cho D trong thời gian quy định của bất kỳ. Cụ thể như sau:

- Đối với bất kỳ 3.000.000 đồng trong 36 ngày, sau khi nhận số tiền 3.000.000 đồng mỗi ngày người vay phải đóng 100.000 đồng, sau khi trả đủ thành 3.600.000 đồng, tiền lãi là 600.000 đồng, tương đương với mức lãi suất là 202,77%/1 năm.

- Đối với bất kỳ 5.000.000 đồng trong 40 ngày hoặc 60 ngày, sau khi nhận số tiền 5.000.000 đồng mỗi ngày người vay phải đóng theo các mức là 150.000 đồng, 100.000 đồng hoặc 110.000 đồng, sau khi trả đủ thành 6.000.000 đồng hoặc 6.600.000 đồng, tiền lãi là 1.000.000 đồng hoặc 1.600.000 đồng, tương đương với mức lãi suất lần lượt là 182,5%/1 năm, 121,66%/năm và 194,66%/năm.

- Đối với bất kỳ 10.000.000 đồng trong 40 ngày hoặc 60 ngày, sau khi nhận số tiền 10.000.000 đồng mỗi ngày người vay phải đóng 300.000 đồng hoặc 200.000 đồng, sau khi trả đủ thành 12.000.000 đồng, tiền lãi là 2.000.000 đồng, tương đương với mức lãi suất lần lượt là 182,5%/1 năm và 121,66%/1 năm.

- Đối với bất kỳ 15.000.000 đồng trong 40 ngày hoặc 60 ngày, sau khi nhận số tiền 15.000.000 đồng mỗi ngày người vay phải đóng 450.000 đồng hoặc 300.000 đồng, sau khi trả đủ thành 18.000.000 đồng, tiền lãi là 3.000.000 đồng, tương đương với mức lãi suất lần lượt là 182,5%/1 năm và 121,66%/1 năm.

Đối với hình thức vay lãi ngày, D cho vay tiền với mức lãi suất từ 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 109,5%/1 năm đến 365%/1 năm. Số tiền vay do D quyết định tùy theo nhu cầu của người vay. Người vay phải đóng tiền lãi cho D theo kỳ hạn là 10 ngày/1 kỳ.

Ngày 22/4/2020, Công an quận Lê Chân kiểm tra hành chính cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự tại địa chỉ số 62/215 Miếu Hai Xã của Đỗ Thị D đã thu giữ 04 quyển sổ, trong đó có 01 quyển sổ ghi chép việc cho vay tiền, trả lãi từ thời điểm ngày 15/11/2019 đến thời điểm bị kiểm tra và 20 giấy hợp đồng vay tiền, 02 giấy vay tiền. Ngoài ra còn thu giữ của D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS.

Căn cứ vào sổ và các hợp đồng vay tiền thu giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân đã tiến hành điều tra, làm rõ được 14 người vay tiền của Đỗ Thị D, bao gồm:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976, nơi cư trú: Số 24/27 T, phường Đ, quận H, Hải Phòng vay của D 07 bát họ 5.000.000 đồng trong 60 ngày và 03 bát họ 10.000.000 đồng trong 60 ngày. Tính đến ngày 22/4/2020, chị Hoa đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 06 bát họ 5.000.000 đồng là 36.000.000 đồng và 02 bát họ 10.000.000 đồng là 12.000.000 đồng, còn lại 01 bát họ 5.000.000 đồng chị Hoa đã đóng cho D 06 ngày là 600.000 đồng và 01 bát họ 10.000.000 đồng đã đóng được 08 ngày là 1.600.000 đồng. Tổng số tiền gốc chị Hoa đã vay của D là 65.000.000 đồng, trong đó đã trả 51.833.333 đồng, chưa trả 13.166.667 đồng; số tiền lãi đã trả là 10.366.667 đồng, trong đó lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 8.662.557 đồng.

2. Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1954, nơi cư trú: Số 69/55/46 L, phường H, quận L, Hải Phòng vay của D 04 bát họ 5.000.000 đồng trong 60 ngày. Bà Yến đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 03 bát họ 5.000.000 đồng là 18.000.000 đồng, còn lại 01 bát họ 5.000.000 đồng đã đóng được 43 ngày là 4.300.000 đồng. Tổng số tiền gốc bà Yến đã vay của D là 20.000.000 đồng, trong đó đã trả 18.583.333 đồng, chưa trả 1.416.667 đồng; số tiền lãi đã trả là 3.716.667 đồng, trong đó lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 3.105.708 đồng.

3. Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1988, nơi cư trú: Số 6C/94 L, phường L, quận L, Hải Phòng vay của D 07 bát họ 5.000.000 đồng trong 60 ngày. Anh Cường đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 05 bát họ 5.000.000 đồng là 30.000.000 đồng, còn lại 01 bát họ 5.000.000 đồng đã đóng được 33 ngày là 3.300.000 đồng và 01 bát họ 5.000.000 đồng đã đóng được 07 ngày là 700.000 đồng. Tổng số tiền gốc anh Cường đã vay của D là 35.000.000 đồng, trong đó đã trả 28.333.333 đồng, chưa trả 6.666.667 đồng; số tiền lãi đã trả là 5.666.667 đồng, trong đó lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 4.735.160 đồng.

4. Anh Ngô Anh T, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn V, xã A, huyện A, Hải Phòng vay của D 05 bát họ 15.000.000 đồng trong 40 ngày và 04 bát họ 10.000.000 đồng trong 40 ngày. Anh T đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 04 bát họ 15.000.000 đồng là 72.000.000 đồng và 03 bát họ 10.000.000 đồng là 36.000.000 đồng, còn lại 01 bát họ 15.000.000 đồng Anh T đã đóng cho D được 06 ngày là 2.700.000 đồng và 01 bát họ 10.000.000 đồng đã đóng được 10 ngày là 3.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc Anh T đã vay của D là 115.000.000 đồng, trong đó đã trả 94.750.000 đồng, chưa trả 20.250.000 đồng; số tiền lãi đã trả là 18.950.000 đồng, trong đó lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 16.873.288 đồng.

5. Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1982, nơi cư trú: Số 277 L, quận H, Hải Phòng vay của D 06 bát họ 10.000.000 đồng trong 40 ngày và 05 bát họ 5.000.000 triệu đồng trong 40 ngày. Anh Khôi đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 05 bát họ 10.000.000 đồng là 60.000.000 đồng và 03 bát họ 5.000.000 đồng là 18.000.000 đồng, còn lại 01 bát họ 10.000.000 đồng anh Khôi đã đóng cho D được 11 ngày là 3.300.000 đồng, 01 bát họ 5.000.000 đồng đã đóng được 27 ngày là 4.050.000 đồng và 01 bát họ 5.000.000 đồng đã đóng được 17 ngày là 2.550.000 đồng. Ngoài ra anh Khôi còn vay lãi ngày của D số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương 182,5%/1 năm) và đã đóng cho D 1.250.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền gốc anh Khôi đã vay của D là 90.000.000 đồng, trong đó đã trả 73.250.000 đồng, chưa trả 16.750.000 đồng; số tiền lãi đã trả là 15.900.000 đồng, trong đó lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 14.154.521 đồng.

6. Anh Phạm Duy T, sinh năm 1988, nơi cư trú: Số 3/166 N, quận L, Hải Phòng vay của D 06 bát họ 5.000.000 đồng trong 40 ngày và 03 bát họ 10.000.000 đồng trong 40 ngày. Anh Thái đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 06 bát họ 5.000.000 đồng là 36.000.000 đồng và 02 bát họ 10.000.000 đồng là 24.000.000 đồng, còn lại 01 bát họ 10.000.000 đồng anh Thái đã đóng cho D được 11 ngày là 3.300.000 đồng. Tổng số tiền gốc anh Thái đã vay của D là 60.000.000 đồng, trong đó đã trả 52.750.000 đồng, chưa trả 7.250.000 đồng; số tiền lãi đã trả là 10.550.000 đồng, trong đó lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 9.393.836 đồng.

7. Bà Đỗ Kim O, sinh năm 1963, nơi cư trú: Số 9/724 N, quận L, thành phố Hải Phòng vay của D 01 bát họ 3.000.000 đồng trong 36 ngày và 07 bát họ 5.000.000 đồng trong 40 ngày. Bà Oanh đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 01 bát họ 3.000.000 đồng là 3.600.000 đồng và 06 bát họ 5.000.000 đồng là 36.000.000 đồng, còn lại 01 bát họ 5.000.000 đồng bà Oanh đã đóng cho D được 14 ngày là 2.100.000 đồng. Tổng số tiền gốc bà Oanh đã vay của D là 38.000.000 đồng, trong đó đã trả 34.750.000 đồng, chưa trả 3.250.000 đồng; số tiền lãi đã trả là 6.950.000 đồng, trong đó lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 6.194.932 đồng.

8. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1967, nơi cư trú: Số 4/11/229 H, quận L, Hải Phòng đã vay tiền của D 03 bát họ 5.000.000 đồng trong 60 ngày. Bà Hoa đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 03 bát họ 5.000.000 là 19.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 15.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả là 4.800.000 đồng và lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 4.306.849 đồng.

9. Chị Bùi Thị Lan C, sinh năm 1974, nơi cư trú: Số 4/6/145 Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng vay của D 03 bát họ 5.000.000 đồng trong 40 ngày, 03 bát họ 3.000.000 đồng trong 36 ngày và 02 bát họ 10.000.000 đồng trong 40 ngày. Chị

Chi đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 03 bát hộ 5.000.000 đồng là 18.000.000 đồng, 03 bát hộ 3.000.000 đồng là 10.800.000 đồng và 01 bát hộ 10.000.000 đồng là 12.000.000 đồng, còn lại 01 bát hộ 10.000.000 đồng chị Chi đã đóng cho D được 33 ngày là 9.900.000 đồng. Tổng số tiền gốc chị Chi đã vay của D là 44.000.000 đồng, trong đó đã trả 42.250.000 đồng, chưa trả 1.750.000 đồng; số tiền lãi đã trả là 8.450.000 đồng, trong đó lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 7.543.699 đồng.

10. Bà Lê Thị R, sinh năm 1952, nơi cư trú: Số 166 Đ, quận N, Hải Phòng vay của D 03 bát hộ 3.000.000 đồng trong 36 ngày và 03 bát hộ 5.000.000 đồng trong 40 ngày. Bà Ry đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 02 bát hộ 3.000.000 đồng là 7.200.000 đồng và 02 bát hộ 5.000.000 đồng là 12.000.000 đồng, còn lại 01 bát hộ 5.000.000 đồng bà Ry đã đóng cho D được 25 ngày là 3.750.000 đồng và 01 bát hộ 3.000.000 đồng đã đóng được 05 ngày là 500.000 đồng. Tổng số tiền gốc bà Ry đã vay của D là 24.000.000 đồng, trong đó đã trả 19.541.667 đồng, chưa trả 4.458.333 đồng; số tiền lãi đã trả là 3.908.333 đồng, trong đó lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 3.494.087 đồng.

11. Chị Đỗ Thị Thu D, sinh năm 1981, nơi cư trú: Số 5/40/649 T, quận Lê Chân, Hải Phòng vay của D 02 bát hộ 15.000.000 đồng trong 40 ngày. Chị Dung đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 02 bát hộ đã vay là 36.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 30.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng và lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 5.342.466 đồng.

12. Anh Lưu Thanh T, sinh năm 1981, nơi cư trú: Số 3/75 M, quận H, Hải Phòng vay của D 02 bát hộ 5.000.000 đồng trong 40 ngày. Anh T đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 02 bát hộ đã vay là 12.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 10.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng và lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 1.780.822 đồng.

13. Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1986, nơi cư trú: Số 3/1/9/278 Đ, quận N, Hải Phòng vay của D 02 bát hộ 10.000.000 đồng trong 40 ngày, 01 bát hộ 10.000.000 đồng trong 60 ngày và 01 bát hộ 5.000.000 đồng trong 40 ngày. Chị Trang đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 03 bát hộ 10.000.000 đồng là 36.000.000 đồng, còn lại 01 bát hộ 5.000.000 đồng chị Trang đã đóng cho D được 29 ngày là 4.350.000 đồng. Tổng số tiền gốc chị Trang đã vay của D là 35.000.000 đồng, trong đó đã trả 33.625.000 đồng, chưa trả 1.375.000 đồng; số tiền lãi đã trả là 6.725.000 đồng, trong đó lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 5.878.425 đồng.

14. Bà Nguyễn Thị Thanh TH, sinh năm 1968, nơi cư trú: Số 246 Đ, quận Ngô Quyền, Hải Phòng vay lãi ngày của D số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất tính 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương 146%/1 năm). Bà Thủy đã trả

cho D 400.000 đồng tiền lãi, trong đó lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 345.000 đồng; chưa trả được tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền gốc mà 14 người có tên trong hợp đồng vay tiền, sổ ghi chép của D mà Cơ quan điều tra đã xác định và chứng minh được là 591.000.000 đồng, trong đó đã trả 504.666.666 đồng, chưa trả 86.333.334 đồng; số tiền lãi đã trả là 104.383.334 đồng, trong đó lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật Dân sự) là 91.811.350 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Thị D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Để hỗ trợ việc thu tiền, D còn thuê một nam giới tên là Nghĩa (chưa rõ căn cước, lai lịch) thu tiền họ góp của những người vay hàng ngày và trả lương 5.000.000 đồng/tháng. Trong sổ ghi chép việc cho vay tiền, trả lãi, ngoài những người vay tiền đã được làm rõ như trên còn một số người vay khác được D ghi tên nhưng không nhớ căn cước, lai lịch và cũng không nhớ cụ thể số tiền đã cho những người đó vay, tiền lãi đã thu. Từ khi mở cửa hàng, D đã sử dụng một sổ sổ để theo dõi khách vay và đóng tiền nhưng sau khi sử dụng hết đã hủy đi, chỉ còn 1 quyển sổ theo dõi ghi từ ngày 15/11/2019 mà Cơ quan Công an đã thu giữ. 20 hợp đồng vay tiền là của cửa hàng của D còn 02 giấy vay tiền khác, D nghĩ là của người thuê cửa hàng trước để lại. Ngoài ra D còn nhớ đã cho 07 người vay tiền theo hợp đồng gồm:

1. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986, nơi cư trú: Số 29A45 Tập thể C, quận, L, Hải Phòng vay của D 04 bát họ 3.000.000 đồng trong 36 ngày. Chị H đã trả cho D đủ tiền gốc và lãi của 04 bát họ đã vay là 14.400.000 đồng.

2. Bà Phùng Thị Minh C, nơi cư trú: Số 4/11/229 H, quận L, Hải Phòng vay của D 01 bát họ 5.000.000 đồng trong 40 ngày nhưng chưa trả tiền gốc và lãi cho D.

3. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1971, nơi cư trú: Số 28/33 C, quận L, Hải Phòng vay của D 01 bát họ 5.000.000 đồng trong 40 ngày nhưng chưa trả tiền gốc và lãi cho D.

4. Bà Nguyễn Thị Đ, nơi cư trú: Số 2/24/165 H, quận L, Hải Phòng vay của D 01 bát họ 5.000.000 đồng trong 40 ngày nhưng chưa trả tiền gốc và lãi cho D.

5. Anh Đỗ Trường L, sinh năm 1995, nơi cư trú: Số 14/182 H, H, Hải Phòng vay lãi ngày của D số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương 365%/1 năm). Anh L đã đóng cho D 500.000 đồng tiền lãi và chưa trả tiền gốc.

6. Anh Lê Trung Đ, sinh năm 1991, nơi cư trú: Số 44/6 C, quận H, Hải Phòng vay lãi ngày của D số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1

ngày (tương đương 365%/1 năm). Anh Đ đã đóng cho D 500.000 đồng tiền lãi và chưa trả tiền gốc.

7. Ông Nguyễn Nhật T, nơi cư trú: Số 64 H, quận L, Hải Phòng vay của D số tiền 2.400.000 đồng và không tính lãi suất. Ông T chưa trả D số tiền này.

14 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà Cơ quan điều tra đã làm rõ được đều khai đã vay tiền và trả lãi cho Đỗ Thị D như nội dung trên. Những người này đều không yêu cầu D phải trả lại số tiền lãi đã đóng.

Ngoài ra, quá trình kiểm tra cửa hàng của Đỗ Thị D, Công an quận Lê Chân còn phát hiện tại quán có Lê Tùng A, sinh năm 1993, nơi cư trú: Số 28/37/346 T, quận L, Hải Phòng (là chồng của D) đang giao dịch trả tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát: 15B3 - 335.08 cho Vũ Mạnh Linh, sinh năm 1993, nơi cư trú: Số 6/12 Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát: 15L1 - 034.18 cho anh Lê Danh Hoàng, sinh năm 1997, nơi cư trú: Số 18/72 Phủ Thượng Đoan, quận Hải An, Hải Phòng. Cơ quan Công an đã thu giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát: 15B3 - 335.08, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát: 15L1 - 034.18, 02 vé xe máy số 33508, 03418 của Trung tâm y tế quận Lê Chân và số tiền 11.500.000 đồng. Tùng Anh, Linh và anh Hoàng khai khoảng đầu tháng 4/2020, Tùng Anh nhận cầm cố xe mô tô cho Linh với số tiền là 7.500.000 đồng, lãi suất tính 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày, đã nhận lãi là 750.000 đồng và xe mô tô của anh Hoàng với số tiền là 4.000.000 đồng, lãi suất tính 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày, đã nhận lãi là 400.000 đồng. Ngày 22/4/2020, khi Linh và anh Hoàng đem trả tiền cho Tùng Anh để lấy lại tài sản thì có lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện. Việc Tùng Anh nhận cầm cố xe D không biết. Tiền Tùng Anh cầm cố xe là tiền riêng của Tùng Anh. Tùng Anh biết việc D cho vay họ góp nhưng không tham gia gì với D.

Tại bản Cáo trạng số 143/CT-VKS ngày 14/9/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Đỗ Thị D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Thị D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đỗ Thị D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như nội dung cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Phạt tiền bị cáo Đỗ Thị D từ 150 triệu đồng đến 170 triệu đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 201 BLHS.

- Buộc bị cáo Đỗ Thị D phải nộp vào ngân sách Nhà nước **số tiền gốc cho vay mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trả là 504.666.666 đồng** và số tiền lãi **theo mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự** là 12.571.984 đồng, tổng cộng là 517.238.650 đồng (Năm trăm mười bảy triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn, sáu trăm năm mươi đồng).

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp **lại số tiền gốc chưa trả cho bị cáo** vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 86.333.334 đồng (Tám mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng), cụ thể như sau:

+ Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 24/27 T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 13.166.667 đồng.

+ Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1954; nơi cư trú: Số 69/55/46 L, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.416.667 đồng.

+ Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 6C/94 L, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 6.666.667 đồng.

+ Anh Ngô Anh T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 20.250.000 đồng.

+ Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 277 L, quận H, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 16.750.000 đồng.

+ Anh Phạm Duy T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 3/166 N, quận L, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.250.000 đồng.

+ Bà Đỗ Kim O, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 9/724 N, quận L, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.250.000 đồng.

+ Chị Bùi Thị Lan C, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 4/6/145 C, quận N, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.750.000 đồng.

+ Bà Lê Thị R, sinh năm 1952; nơi cư trú: Số 166 Đ, quận N, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 4.458.333 đồng.

+ Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 3/1/9/278 Đ, quận N, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.375.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh TH, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số 246 Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng.

- Về số tiền lãi bất hợp pháp: Do những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

- Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động thu giữ của bị cáo gồm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí lệ phí của Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2019 đến ngày 22/4/2020, Đỗ Thị D đã có hành vi thỏa thuận cho 14 người vay tiền với tổng số tiền là 591.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi một triệu đồng), với mức lãi suất dao động từ 121,66%/1 năm đến 365%/1 năm (gấp 6,083 đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự) nhằm thu lợi bất chính tổng số tiền là 91.811.350 đồng (Chín mươi một triệu tám trăm mười một nghìn ba trăm năm mươi đồng). Như vậy, hành vi của bị cáo Đỗ Thị D đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân

sự” được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân truy tố kết luận là có căn cứ đúng với quy định của pháp luật.

[3] Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị cáo còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi cao, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội. Do đó cần phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt .

[6] Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mục đích của hình phạt, nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đảm bảo theo quy định của pháp luật, đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và đấu tranh phòng ngừa chung .

[7] Miễn áp dụng áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền.

[8] Đối với số tiền gốc 591.000.000 đồng bị cáo sử dụng để cho vay (là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội) nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước. Trong đó: Số tiền gốc bị cáo đã nhận lại do những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả là 504.666.666 đồng nên cần buộc bị cáo phải nộp lại để nộp ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại là 86.333.334 đồng, do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả hết tiền gốc cho bị cáo, vì vậy cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên phải nộp lại số tiền này để nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo nhận từ những người vay tương đương với số tiền 12.571.984 đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự khoản tiền này không tính vào khối lượng định tội cho bị cáo. Song xét đây là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên buộc bị cáo phải nộp lại để nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Đối với số tiền 91.811.350 đồng (là tiền lãi bất hợp pháp): Đặc thù của loại tội phạm này do xuất phát từ giao dịch dân sự, những người vay tiền của bị cáo đều với mục đích phục vụ sinh hoạt, phục vụ cuộc sống hàng ngày, người vay phải chịu lãi nặng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người vay cần buộc bị cáo phải trả lại cho số tiền lãi bất hợp pháp (vượt quy định của Bộ luật dân sự). Do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về việc xử lý vật chứng:

[11] Đối với 02 điện thoại di động thu giữ của bị cáo gồm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, bị cáo sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát: 15B3 - 335.08, qua xác minh chủ sở hữu hợp pháp là của anh Trần Anh Dũng, sinh năm 1980, nơi cư trú: Số 70 Quang Trung, quận Hồng Bàng, Hải Phòng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Dũng.

[13] Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát: 15L1 - 034.18, qua xác minh chủ sở hữu hợp pháp là của anh Lê Danh Hoàng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Hoàng.

[14] Đối với số tiền 11.500.000 đồng; 02 vé xe máy số 33508 và 03418 của Trung tâm y tế quận Lê Chân thu giữ của Lê Tùng Anh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân tiếp tục tạm giữ, làm rõ xử lý sau.

[15] Đối với 07 người có tên trong hợp đồng vay tiền hiện vắng mặt tại nơi cư trú và một số người vay tiền trong sổ theo dõi thu giữ của Đỗ Thị D không xác định được căn cước, lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân chưa thu thập được lời khai của những người này, ngoài lời khai của D không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh nên không có căn cứ để kết luận.

[16] Đối với nam giới tên là Nghĩa hiện chưa xác định được căn cước, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân không có cơ sở để điều tra làm rõ.

[17] Đối với hành vi cầm cố tài sản cho vay tiền với lãi suất cao của Lê Tùng Anh có dấu hiệu của hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, hiện tại kết quả điều tra thấy số tiền thu lời bất chính từ việc cho Vũ Mạnh Linh và anh Lê

Danh Hoàng vay chưa đủ căn cứ xử lý hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân tách hồ sơ, điều tra làm rõ xử lý sau.

[18] Đối với việc Vũ Mạnh Linh mượn xe của anh Trần Anh Dũng, sau đó đem đi cầm cố, do sau khi cầm cố xe Linh đã nói ngay cho anh Dũng biết và anh Dũng cũng đồng ý, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân không xử lý đối với Linh.

[19] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo Đỗ Thị D số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Buộc bị cáo Đỗ Thị D phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay là 504.666.666 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 12.571.984 đồng, tổng cộng là 517.238.650 đồng (Năm trăm mười bảy triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn, sáu trăm năm mươi đồng).

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 86.333.334 đồng (Tám mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng), cụ thể như sau:

+ Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 24/27 T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 13.166.667 đồng (Mười ba triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1954; nơi cư trú: Số 69/55/46 L, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.416.667 đồng (Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 6C/94 L, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 6.666.667 đồng (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

+ Anh Ngô Anh T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 20.250.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 277 L, quận H, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 16.750.000 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Anh Phạm Duy T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 3/166 N, quận L, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.250.000 đồng (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bà Đỗ Kim O, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 9/724 N, quận L, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Chị Bùi Thị Lan C, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 4/6/145 C, quận N, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bà Lê Thị R, sinh năm 1952; nơi cư trú: Số 166 Đ, quận N, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 4.458.333 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

+ Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 3/1/9/278 Đ, quận N, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.375.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Thanh TH, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số 246 Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

+ Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động (01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS) thu giữ của bị cáo.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/9/2020 giữa Cơ quan **Cảnh sát điều tra** Công an quận Lê Chân và Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân thành phố Hải Phòng.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

+ Bị cáo Đỗ Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Lê Chân;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Lê Chân;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Lê Chân;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- UBND phường H, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Phong Lan